

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT : HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ _____

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hệ thống hoá được những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếng Việt) đã được học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12.

– Nâng cao thêm năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt ở hai dạng nói và viết, và ở hai quá trình tạo lập và lĩnh hội văn bản.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là bài tổng kết, cho nên GV cần hướng dẫn HS nhớ lại những bài học có liên quan ở cả cấp học để hệ thống hoá, xác định được mối quan hệ của các đơn vị kiến thức. Đồng thời, qua hoạt động luyện tập mà cụ thể hoá, củng cố và nâng cao kiến thức, kĩ năng. Bài tổng kết này có thể nâng cao tính hệ thống ở phần Tiếng Việt trong cả cấp học, vì sự phân bố đan xen với các phần Văn học và Làm văn theo chương trình hiện tại có ưu điểm là phục vụ tốt cho tính tích hợp, nhưng có thể làm mờ tính hệ thống trong kiến thức về phần Tiếng Việt.

2. Trọng tâm bài học

Tổng kết toàn bộ những kiến thức liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học từ lớp 10 đến lớp 12, bao gồm :

– Hoạt động giao tiếp : các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ (lớp 10).

– Dạng nói và dạng viết trong giao tiếp ngôn ngữ (lớp 10).

– Ngữ cảnh trong giao tiếp ngôn ngữ (lớp 11).

– Nhân vật giao tiếp (lớp 12).

– Ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của các nhân vật trong giao tiếp (lớp 11).

- Hai thành phần nghĩa của câu trong hoạt động giao tiếp (lớp 11).
- Vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi giao tiếp (lớp 12).

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV gợi dẫn để HS nhớ lại và hệ thống hoá kiến thức liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Có thể lần lượt gợi nhớ đến các bài đã học (tương ứng với những chữ in đậm trong nội dung bài học trong SGK). Ở mỗi vấn đề, có thể dùng câu hỏi để nhớ lại nội dung cụ thể. Cần xác định mối liên hệ giữa những nội dung kiến thức.

2. Tiến trình dạy học

Bài gồm hai phần :

NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

GV gợi dẫn để HS nhớ lại 7 vấn đề mà bài học đã tổng kết. Bắt đầu từ vấn đề khái quát nhất là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Từ đó đi vào những nhân tố cụ thể như nhân vật giao tiếp, ngữ cảnh, phương tiện ngôn ngữ (ngôn ngữ nói hay viết), quan hệ giữa ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của các nhân vật giao tiếp, nghĩa của câu trong lời nói cá nhân, vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong giao tiếp ngôn ngữ.

LUYỆN TẬP

- a) GV cho HS đọc đoạn trích. Yêu cầu đọc đúng và diễn cảm.
- b) GV hướng dẫn HS lần lượt giải các bài tập.

Bài tập 1

Đoạn trích có hai nhân vật giao tiếp : *lão Hạc* và *tôi*. Hai người lần lượt đóng vai người nói, người nghe và chuyển đổi vai cho nhau. Ngôn ngữ nói của hai nhân vật thể hiện qua nhiều phương diện : nói phối hợp với cử chỉ, điệu bộ (*cười như mếu, mặt lão đột nhiên co rúm lại,...*), dùng nhiều từ ngữ thuộc ngôn ngữ nói (*đi đò rồi - chết, khốn nạn, có biết gì đâu, cu cậu,...*), các lượt lời của các nhân vật giao tiếp kế tiếp nhau,...

Bài tập 2

Hai nhân vật giao tiếp là những người láng giềng nên có quan hệ thân cận. Về tuổi tác thì lão Hạc ở vị thế trên, nhưng về nghề nghiệp và thành phần xã hội, theo quan niệm ở xã hội lúc đó, thì ông giáo lại có vị thế cao hơn. Do đó hai người luôn luôn nể trọng nhau. Ngay ở lượt lời đầu tiên, lão Hạc đã thể hiện sự kính trọng nhưng thân tình đối với người nghe qua lời gọi và cách xưng hô *ông giáo ạ*, và sự thân mật khi thông tin về một sự việc đời thường trong cuộc sống : bán con chó.

Bài tập 3

Câu nói có hai thành phần nghĩa :

- Nghĩa sự việc : con chó biết việc nó bị hại.
- Nghĩa tình thái : lão Hạc biểu lộ sự xót thương con vật yêu quý khi nó lâm vào cảnh khốn cùng (gọi con chó là *cu cậu*, coi con chó cũng có cảm giác như con người).

Bài tập 4

Trong đoạn trích có hai hoạt động giao tiếp :

- Giao tiếp giữa lão Hạc và ông giáo : ở dạng ngôn ngữ nói, hai người đối vai, giao tiếp trực diện, có sự phối hợp với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ngữ điệu,...
- Giao tiếp giữa tác giả Nam Cao và người đọc : qua văn bản viết, có sự cách biệt về thời gian và không gian giữa tác giả và người đọc, không có sự phụ trợ của ngữ điệu, nhưng có sự hỗ trợ của các dấu câu,...